

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

---

Tên chương trình: **Cử nhân ngành TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG**

Trình độ đào tạo : **Đại học**

Ngành đào tạo : **TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG (Finance - Banking)**

Mã số : **7340201**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Bằng tốt nghiệp : **Cử nhân ngành TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG**

## 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

### 1.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế;
- Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân.
- Đào tạo người học đạt chất lượng cao về lý thuyết, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và các kỹ năng mềm cần thiết để trở thành các chuyên viên tài chính – ngân hàng chuyên nghiệp làm việc trong một môi trường kinh doanh cạnh tranh, hội nhập với các quốc gia trong khu vực và thế giới.

### 1.2. Mục tiêu cụ thể

- a. Đào tạo người học có kiến thức nền tảng về lĩnh vực khoa học xã hội, kiến thức lý thuyết chuyên sâu về lĩnh vực tài chính – ngân hàng, có kỹ năng nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và ứng dụng kiến thức để giải quyết các yêu cầu xử lý, cung cấp thông tin và ra quyết định trong lĩnh vực tài chính.
- b. Đào tạo người học có kiến thức hoạch định, tổ chức, quản lý các hoạt động liên quan đến chức năng tài chính tại các đơn vị, tổ chức của nền kinh tế.
- c. Cử nhân ngành tài chính – ngân hàng có kỹ năng cần thiết để làm việc trong môi trường kinh doanh cạnh tranh, hội nhập với các quốc gia trong khu vực và thế giới, có phẩm chất chính trị, phẩm chất nghề nghiệp theo yêu cầu riêng của nghề, tuân thủ luật pháp, tính cẩn trọng, linh hoạt, khả năng ra quyết định, thích nghi với môi trường làm việc....
- d. Cử nhân ngành tài chính – ngân hàng có thể đảm nhận các công việc về tài chính tại các đơn vị trong nước và nước ngoài, có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở các bậc học sau đại học hoặc nhận các chứng chỉ nghề nghiệp của các tổ chức trong nước và quốc tế

### 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo (Mục tiêu cụ thể)			
		MT a)	MT b)	MT c)	MT d)
<b>I. Kiến thức</b>					
1	- Nhận biết, giải thích và có khả năng vận dụng tốt chính sách, pháp luật của nhà nước. - Diễn giải một cách có hệ thống các kiến thức tổng quát về kinh tế vĩ mô và vi mô.	x		x	x
2	Nhận biết, diễn giải và có khả năng vận dụng, đưa vào thực tế các kiến thức căn bản về quản trị và quản trị kinh doanh: lý thuyết về quản trị nói chung và quản trị doanh nghiệp, kiến thức về các công cụ phục vụ cho quản trị doanh nghiệp như: quản trị học, nguyên lý thống kê, nguyên lý kế toán,...	x	x	x	x
3	- Nhận biết, diễn giải kiến thức tài chính – tiền tệ hiện đại: tài chính quốc tế, hệ thống tài chính của quốc gia, thị trường các dịch vụ tài chính của quốc gia (thị trường tiền tệ, thị trường chứng khoán, thị trường bảo hiểm,...), quản trị tài chính trong doanh nghiệp, nghiệp vụ ngân hàng thương mại. Có khả năng vận dụng, đưa vào thực tế nhằm đánh giá thực trạng hoạt động tài chính của đơn vị doanh nghiệp hay thị trường ngành.	x	x	x	x
	Nhận biết, diễn giải và có khả năng vận dụng các kiến thức chuyên ngành, đưa vào thực tế nhằm phân tích, đánh giá thực trạng vấn đề của doanh nghiệp, ngân hàng hoặc thị trường ngành dịch vụ tài chính: <b>Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp</b> Kiến thức chuyên sâu phục vụ cho việc ra các quyết định tài chính (đầu tư, tài trợ, phân phối) trong quá trình quản trị tài chính doanh nghiệp hiện đại: Quản trị rủi ro tài chính, Tài chính doanh nghiệp nâng cao, Phân tích tài chính doanh nghiệp,... <b>Chuyên ngành Ngân hàng</b> • Kiến thức về các nghiệp vụ phổ biến/ chuyên biệt của ngân hàng thương mại như: nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng, nghiệp vụ thanh toán quốc tế, kế toán ngân hàng thương mại; • Kiến thức quản trị chuyên sâu nhằm quản trị tài sản, quản trị rủi ro trong quá trình hoạt động của ngân hàng thương mại: Thẩm định tín dụng, Quản trị ngân hàng thương mại; Quản trị rủi ro.	x	x	x	x

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo (Mục tiêu cụ thể)			
		MT a)	MT b)	MT c)	MT d)
	Bên cạnh đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kiến thức về đầu tư tài chính, thị trường dịch vụ của các định chế tài chính phi ngân hàng;</li> <li>• Kiến thức về thuế và tuân thủ thuế của các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội.</li> </ul>				
<b>II. Kỹ năng</b>					
1	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đọc, hiểu, xử lý và lập các chứng từ tài chính gắn liền các nghiệp vụ kinh tế phát sinh;</li> <li>• Biết sử dụng các phần mềm nghiệp vụ chuyên dụng trong việc thực hành nghiệp vụ tài chính – ngân hàng/ biết sử dụng các phần mềm hỗ trợ cho việc kê khai, quyết toán thuế tại các doanh nghiệp;</li> <li>• Đọc, hiểu, lập và phân tích báo cáo tài chính công ty;</li> <li>• Lập danh mục đầu tư tài chính, lập báo cáo phân tích vĩ mô, ngành, công ty;</li> <li>• Hoạch định chiến lược thuế cho các công ty, giúp doanh nghiệp tối ưu hóa việc tuân thủ thuế và kiểm soát rủi ro thuế;</li> </ul>	x	x	x	x
2	Có kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, tư duy thực tiễn và các dạng tư duy khác (tư duy biện chứng, phân tích, phán đoán).		x	x	x
3	Kỹ năng mềm: Có kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp bằng lời và thuyết trình, kỹ năng viết, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề.		x	x	x
<b>III. Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm</b>					
1	Có phẩm chất chính trị – nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị.	x	x	x	x
2	Có lòng say mê nghề nghiệp. Có ý chí phấn đấu và đạo đức nghề nghiệp.		x	x	x
3	Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp. Có phương pháp làm việc khoa học. Có khả năng tự cập nhật kiến thức và vận dụng sáng tạo trong công việc, tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau;		x	x	x

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo (Mục tiêu cụ thể)			
		MT a)	MT b)	MT c)	MT d)
4	Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ tài chính – ngân hàng đã được đào tạo. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể;		x	x	x
5	Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật. Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.		x	x	x
<b>IV. Chuẩn đầu ra Tiếng Anh và Tin học</b>					
1	Chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.5 trở lên hoặc tương đương.				
2	Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao do Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM sát hạch.				
<b>V. Vị trí công việc có khả năng đảm nhận</b>					
1	Chuyên viên tài chính tại các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực trong nền kinh tế: sản xuất, thương mại, xây dựng, dịch vụ; Chuyên viên tài chính, tín dụng tại các định chế tài chính: ngân hàng thương mại, công ty tài chính, chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản, các quỹ đầu tư, các quỹ hưu trí...	x	x	x	x
2	Chuyên gia phân tích và thiết lập các chương trình quản trị rủi ro, thiết lập các mô hình tài chính hiệu quả, quản lý và kinh doanh vốn, đầu tư, kinh doanh ngoại hối,... cho doanh nghiệp, tổ chức tài chính và các ngân hàng thương mại. Chuyên gia hoạch định chiến lược thuế (tax planning) nhằm tối ưu chi phí thuế tại các doanh nghiệp, kiểm soát chi phí và rủi ro thuế.	x	x	x	x
3	Chuyên viên phụ trách mảng tài chính tại các doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ (doanh nghiệp, tổ chức tài chính) các đơn vị khu vực công (bệnh viện, trường đại học, ban quản lý dự án); Công chức tài chính, thuế, hải quan các cấp tại các cơ quan tài chính công: Ngân hàng nhà nước, Bộ Tài chính, Sở Tài chính, Tổng cục thuế, Tổng cục hải quan, Kho bạc nhà nước.	x	x	x	x
4	Đảm nhiệm vị trí cấp cao như Quản lý bộ phận tài chính, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc tài chính, Giám đốc điều hành.	x	x	x	x

TT	Chuẩn đầu ra	Mục tiêu đào tạo (Mục tiêu cụ thể)			
		MT a)	MT b)	MT c)	MT d)
5	Liên thông trong với các chương trình nâng cao ở bậc sau đại học với các trường đại học. Sinh viên sau khi tốt nghiệp cũng có thể đạt được sự thuận lợi để học tiếp và có thể thi để lấy các chứng chỉ hành nghề của Việt Nam, quốc tế như CFA, ACCA, CIMA, CPA,...	x	x	x	x
6	Tự khởi nghiệp thành lập các công ty dịch vụ tài chính – thuế - kế toán,.....	x	x	x	x

## 2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

3. **KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHOẢ:** 130 tín chỉ. Trong đó khối lượng kiến thức tích lũy: 127 tín chỉ, khối kiến thức không tích lũy: 03 tín chỉ và kiến thức giáo dục quốc phòng an ninh theo quy định (165 tiết).

## 4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Tp. Hồ Chí Minh.

## 5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ GD&ĐT và Quy chế đào tạo theo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Tp. Hồ Chí Minh.

## 6. THANG ĐIỂM

Thực hiện theo Quy chế đào tạo theo tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Tp. Hồ Chí Minh.

## 7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
<b>I. Kiến thức đại cương</b>		<b>58</b>	<b>45 %</b>
I.1.	Khoa học	12	
I.2.	Ngoại ngữ	24	
I.3.	Tin học	3	
I.4.	Luật	3	
I.5.	Chính trị	10	
I.6.	Kỹ năng	6	
<b>II. Kiến thức chuyên ngành</b>		<b>69</b>	<b>53 %</b>
II.1.	Kiến thức chuyên ngành bắt buộc	57	
II.2.	Kiến thức chuyên ngành tự chọn	12	

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
<b>III. Kiến thức không tích lũy</b>		<b>3</b>	<b>2 %</b>
III.1.	Giáo dục thể chất	3	
III.2.	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết)		
<b>Tổng cộng:</b>		<b>130</b>	<b>100%</b>

Chương trình chi tiết:

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
			<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
			Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
<b>I.KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG</b>			<b>58</b>						
<b>I.1. Khoa học</b>			<b>12</b>						
I.1.01	MAT1103	Toán cao cấp	3	3					
I.1.02	STA1101	Xác suất thống kê	3	3			MAT1103		
I.1.03	MGT1101	Quản trị học	3	3					
I.1.04	ITE1262	Tin học thống kê	3	3			STA1101		
<b>I.2. Ngoại ngữ</b>			<b>24</b>						
I.2.01	ENG2101	Tiếng Anh 1	4	4					
I.2.02	ENG2102	Tiếng Anh 2	4	4					
I.2.03	ENG2103	Tiếng Anh 3	4	4					
I.2.04	ENG2104	Tiếng Anh 4	4	4					
I.2.05	ENG2105	Tiếng Anh 5	4	4					
I.2.06	ENG2106	Tiếng Anh 6	4	4					
<b>I.3. Tin học</b>			<b>3</b>						
I.3.01	ITE1201	Tin học đại cương	3	2	1				
<b>I.4. Luật</b>			<b>3</b>						
I.4.01	LAW1101	Pháp luật đại cương	3	3					
<b>I.5. Chính trị</b>			<b>10</b>						
I.5.01	POL1101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	2					
I.5.02	POL1102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	3					
I.5.03	POL1103	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3					
I.5.04	POL1104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
			<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
			Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
<b>I.6. Kỹ năng</b>			<b>6</b>						
I.6.01	SKI1107	Project design 1	3	3					
I.6.02	SKI1108	Project design 2	3	3			SKI1107		
<b>II.KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH</b>			<b>69</b>						
<b>II.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc</b>			<b>57</b>						
II.1.01	ECO1101	Kinh tế vi mô	3	3					
II.1.02	ECO1102E	Kinh tế vĩ mô	3	3			ECO1101		
II.1.03	LAW1107	Pháp luật về doanh nghiệp	3	3			LAW1101		
II.1.04	ECO1104	Kinh tế lượng	3	3			MAT1103 STA1101		
II.1.05	ACC1101	Nguyên lý kế toán	3	3			ECO1101		
II.1.06	FIN1101E	Lý thuyết tài chính - tiền tệ	3	3			ECO1101		
II.1.07	FIN1107E	Tài chính quốc tế	3	3			FIN1101E		
II.1.08	FIN1108E	Thị trường tài chính	3	3			FIN1101E		
II.1.09	FIN1102E	Thuế	3	3			FIN1101E		
II.1.10	FIN1104E	Quản trị ngân hàng thương mại	3	3			FIN1101E		
II.1.11	FIN1109	Thị trường bảo hiểm	3	3			FIN1101E		
II.1.12	FIN1103E	Tài chính doanh nghiệp	3	3			FIN1101E		
II.1.13	ACC1102E	Kế toán tài chính 1	3	3			ACC1101 FIN1102E		
II.1.14	ACC1103	Kế toán tài chính 2	3	3			ACC1101		
II.1.15	ACC1111	Kế toán ngân hàng thương mại	3	3			FIN1104E		
II.1.16	FIN1126E	Tài chính công	3	3			FIN1101E		
II.1.17	FIN1113	Phân tích tài chính	3	3			FIN1103E ACC1102	FIN1111	
II.1.18	FIN1118E	Đầu tư tài chính	3	3			FIN1108E		
II.1.19	FIN1337	Thực tập tốt nghiệp	3				3		
<b>II.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn (Sinh viên chọn 1 trong các chuyên ngành sau) hoặc Khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>12</b>						
II.2.1	<b>Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp</b>								

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
			<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
			Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
II.2.1.01	FIN1111	Tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	3				FIN1103E	
II.2.1.02	FIN1112E	Mô hình tài chính	3	3				FIN1103E	
II.2.1.03	FIN1114	Quản trị rủi ro tài chính	3	3				FIN1103E	
II.2.1.04	ACC1107E	Kế toán quản trị	3	3				ACC1101	
II.2.1.05	FIN1438	Khóa luận tốt nghiệp	12			12			
<b>II.2.2</b>	<b>Chuyên ngành Ngân hàng</b>								
II.2.2.01	FIN1116E	Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao	3	3				FIN1104E FIN1115	
II.2.2.02	FIN1115	Thẩm định tín dụng	3	3				FIN1104E	
II.2.2.03	FIN1119	Quản trị ngân hàng trung ương	3	3				FIN1104E	
II.2.2.04	FIN1117E	Thanh toán quốc tế	3	3				FIN1107E	
II.2.2.05	FIN1438	Khóa luận tốt nghiệp	12			12			
<b>III. KIẾN THỨC KHÔNG TÍCH LŨY</b>			<b>3</b>						
<b>III.1</b>	<b>Giáo dục thể chất</b> (sinh viên chọn 1 trong 4 nhóm sau)		3		3				
<b>III.1.1</b>	<b>Nhóm 1:</b>								
III.1.1.01	GYM1311	GDTC - Aerobic 1	1		1				
III.1.1.02	GYM1312	GDTC - Aerobic 2	1		1				
III.1.1.03	GYM1313	GDTC - Aerobic 3	1		1				
<b>III.1.2</b>	<b>Nhóm 2:</b>								
III.1.2.01	GYM1321	GDTC - Vovinam 1	1		1				
III.1.2.02	GYM1322	GDTC - Vovinam 2	1		1				
III.1.2.03	GYM1323	GDTC - Vovinam 3	1		1				
<b>III.1.3</b>	<b>Nhóm 3:</b>								
III.1.3.01	GYM1331	GDTC - Boxing 1	1		1				
III.1.3.02	GYM1332	GDTC - Boxing 2	1		1				
III.1.3.03	GYM1333	GDTC - Boxing 3	1		1				
<b>III.1.4</b>	<b>Nhóm 4:</b>								
III.1.4.01	GYM1341	GDTC – Thể hình thẩm mỹ 1	1		1				
III.1.4.02	GYM1342	GDTC - Thể hình thẩm mỹ 2	1		1				



STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
			<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
			Tổng	LT	TH/ TN	ĐA	TT		
III.1.4.03	GYM1343	GDTC - Thể hình thẩm mỹ 3	1		1				
<b>III.2</b>	MIL1203	Giáo dục quốc phòng - an ninh (165 tiết)							

*Ghi chú:* Mã MH ký hiệu **xxxxxxxE** – môn giảng dạy bằng tiếng Anh.